

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.JUNG	7:25	14	0		17	0	
2		PVD6+RP3	7:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
3		RP1+TD5+JS2	7:25	18+4+0	0+0+0		8+10+4	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ TD5-JS2
4		P3+TD3	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
5		JS2	7:25	22	0		22	0	
6		PPD+RP3	9:25	2+18	0+0		2+20	0+0	
7		TD5	9:25	22	0		22	0	
8		TD1+RC3+TD5	9:25	11+9+2	0+0+0		9+9+4	0+0+0	
9		RP2+RC4	9:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
10		CIO+RP1	11:25	12+10	0+0		1+21	0+0	
11		TTC2+P4+P1	11:25	4+4+10	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
12		P4+P7+P1	11:25	19+0+0	0+0+0		14+3+5	0+0+0	
13		RP2+BK16	11:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
14		RCDM+RC6+RP2	13:25	7+10+5	0+0+0		5+7+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1. RP1-2 ĐH RA VỀ TRONG NGÀY

2. 2 NGƯỜI MSP2 VỀ QUA TD3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:27
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: KIÊN - HHai	ETA: 10:40
TRANG-A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAGRAMOV A.G.	BK THIE	01	1	4		83	KH-THAC	Russian
2	PHAM GIAP TRI	BK THIE	05	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG VAN THONG	BK THIE	02	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
4	HO DINH HUY	BK THIE	07-08	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LE ANH TUAN	BK THIE	09-10	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
6	VU HUNG TUAN	BK THIE					70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN MINH TAM	BK THIE	11	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VIET TUNG	BK THIE					72	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN CUONG	BK THIE					71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DAN	BK THIE	03	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN SON	BK THIE	06	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUY DU	BK THIE	4	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
13	DO THANH TUNG	BK THIE	12	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH TUAN	BK THIE	13-14	2	18	110	55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

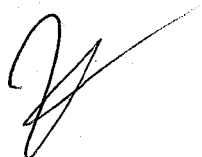
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	14	14	77	997	110	17		
	TOTAL	14	14	77	997	110	17		
	WEIGHT KG			77	997	110			

GRAND TOAL: 1.184 KGS

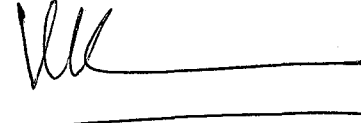
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2019	TO: PVD6 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - HIẾU	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HAI	PVD6	25	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO TUAN ANH	PVD6	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BAO	PVD6	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG TUYẾN	PVD6					70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG HOÀNG	PVD6	35	1	5	55	65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUYỀN	PVD6	33-34	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ TUAN ANH	PVD6	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI SANG	PVD6	36	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU NHAN	PVD6	37	1	5		63	NIPI	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN GIANG	PVD6	28	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
11	DANG VAN THUONG	PVD6	26	1	7		65	DICH VU	Vietnamese
12	IACHIN RUSTEM	RP3	51	1	5		80	KH-THAC	Russian
13	ĐO QUANG HUNG	RP3	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	41	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ANH	RP3	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VĂN LINH	RP3	44-45	2	5		62	YTE	Vietnamese
17	BUI ĐỨC THUẬN	RP3					68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANHTRUNG	RP3	48-49	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VĂN HÒA	RP3	42	1	5	40	72	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ TRONG LINH	RP3	43	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN SƠN	RP3	47	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC HUY	RP3	46	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

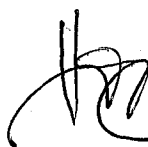
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	11	11	59	720	55	9		
2	RP3	11	12	54	746	40	13		
TOTAL		22	23	113	1.466	95	22		
WEIGHT KG				113	1.466	95			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2019	TO: RP1 - TD5 - JS2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH XUAN TRUONG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
2	MAMEDOV	RP1	09	1	6		83	KH-THAC	Russian
3	NHAM DIEN BIEN	RP1					62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN NGO	RP1	11-12	2	7		56	KH-THAC	Vietnamese
5	KAZAKOV	RP1	06	1	11		80	KH-THAC	Russian
6	ZELENSKI	RP1	10	1	7		79	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN VIET THANH	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG TUNG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TAM	RP1	16	1	9		74	NIPI	Vietnamese
10	VU DINH HOAN	RP1	17	1	6		78	GETRACO	Vietnamese
11	PHAM NGOC PHONG	RP1	07-08	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MINH HIEU	RP1	13-14	2	15		57	KH-THAC	Vietnamese
13	TAO QUANG NGAN	RP1	04-05	2	20		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DUC THIEN	RP1	18	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	03	1	4		72	YTE	Vietnamese
16	TUONG ANH CAC	RP1					66	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN CONG TOAN	RP1	15	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1					92	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NHU Y	TD5				30	81	KH-THAC	Vietnamese
20	HO HOAN KIEM	TD5	67-68	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TAN TAI	TD5	69	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	BAO NGUYEN LOC	TD5	66	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

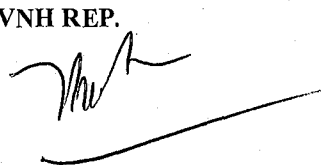
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	18	16	110	1.314	0	8		CHUYEN 4 PAX TU TD5 SANG JS2
2	TD5	4	4	18	281	30	10	4	
3	JS2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	20	128	1.595	30	22		
WEIGHT KG				128	1.595	30			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

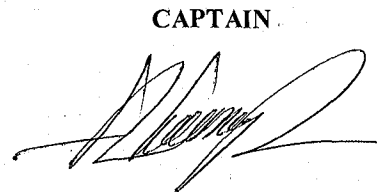
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2019	TO: P3 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VŨ KIÊN	P3	70	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HIỆU	TD3	82	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	83	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC KHƯƠNG	TD3	71	1	5		60	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TIỀN DUÂN	TD3	72-73	2	10		67	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HOA	TD3	77	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM HÙNG DUƠNG	TD3	74	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	TD3	78	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN KHOA	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN DŨNG	TD3	80	1	5	15	70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN LÊ KIÊN	TD3	79	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ DUY CHINH	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	75	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ TIỀN DŨNG	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM HOANG LAM	TD3	81	1	5	20	70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG XUÂN LŨU	TD3				110	65	KHOAN	Vietnamese
17	BUI VĂN TUẤN	TD3	70	1	5		72	KHI	Vietnamese
18	ĐINH VIỆT DŨNG	TD3	76	1	3		55	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	TD3	84	1	10		67	DVL	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THỦ	TD3	85	1	15		56	DVL	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HUNG	TD3	69	1	10		67	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN NAM	TD3	68	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	1	1	5	78	0	0		
2	TD3	21	18	118	1,431	145	22		
TOTAL		22	19	123	1,509	145	22		
WEIGHT KG				123	1,509	145			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2019	TO: JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - QViệt - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ XUÂN TUYỀN	JS2	63	1	6	25	72	KHOAN	Vietnamese
2	IOV RUSLAN	JS2	51	1	8	23	65	KHOAN	Russian
3	GALVIN NOEL GOMES	JS2				30	91	KHOAN	Indian
4	NARENDRASINH PARIHAR	JS2					95	KHOAN	Indian
5	TRAN TUAN NGHIA	JS2	60	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY THANH	JS2	58	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	54	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	76	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	53	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUC MANG	JS2	55	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
11	LE THANH NGOC	JS2	62	1	5		48	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC HAI	JS2	52	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN HOAI NIEM	JS2	56	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	JS2	61	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN VINH	JS2	64-65	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUC LAM	JS2	57	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN ANH VAN	JS2	68	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRAN HIEN	JS2	73-74	2	11		79	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG XUAN CANH	JS2	59	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG THANH TIEN	JS2	80	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM HUU HUAN	JS2	66-67	2	16		65	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN NGOC TIEN	JS2	79	1	12		58	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	23	152	1.550	78	22		
TOTAL		22	23	152	1.550	78	22		
WEIGHT KG				152	1.550	78			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2019	TO: PPD - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN LỢI	PPD	65	1	5	43	80	KHI	Vietnamese
2	HOANG XUÂN HÙNG	RP3	57	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	59	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	LẠI ĐỨC BAY	RP3	63	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	54	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG VĂN THƯƠNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP3	62	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN HIỀN	RP3	66	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LUÔNG VĂN LUÔNG	RP3	64	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	58	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	65	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	60	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	67	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI ANH SƠN	RP3	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HOANG	RP3	59-60	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	LẠI VĂN MINH	RP3	56	1	5		50	KHI	Vietnamese
19	TẠ PHÍ KHÁNH	RP3					70	KHI	Vietnamese
20	TRAN KHIEM HIEU	RP3	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

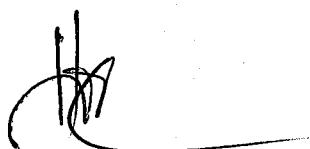
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	1	1	5	80	43	2		
2	RP3	19	17	84	1.312	0	20		
TOTAL		20	18	89	1.392	43	22		
WEIGHT KG				89	1.392	43			

GRAND TOAL: 1.524 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2019	TO: TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - Trường	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA HOA	TD5	04	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN DUY ĐỨC	TD5	01	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG NHẬT QUANG	TD5					55	KHOAN	Vietnamese
4	LE VŨ NGỌC	TD5	06	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	07	1	2		84	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC THỊNH	TD5	03	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC VIỆT	TD5	74-75	2	15		101	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TUẤN ANH	TD5	82	1	11	36	76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TIEN	TD5	72	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN ĐỨC HAO	TD5	78	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN LƯƠNG	TD5	81	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HAI BĂNG	TD5	11-12.	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN KHÁC THANH	TD5	76-77	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
14	LUÔNG ANH HAI	TD5	08	1	4		54	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	73	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VĂN THẠO	TD5	03	1	5		77	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN THUẬN	TD5	79	1	10		85	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN ĐẶNG NGỌC	TD5	02	1	4		72	PSV	Vietnamese
19	TRẦN MINH HÙNG	TD5	10	1	5		84	PSV	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC HÙNG	TD5	80	1	4		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN DUY KHANH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
22	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	09	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	146	1.579	36	22		
TOTAL		22	23	146	1.579	36	22		
WEIGHT KG				146	1.579	36			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2019	TO: TD1 - RC3 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - QViệt - NNam	ETA: 11:20
TIM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROGLUEV	TD1	83	1	10		67	KH-THAC	Russian
2	HOANG TI	TD1					64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NAM THANG	TD1	86	1	3		100	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUY TUAN	TD1	92	1	5	45	70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN CUC	TD1	89	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC LINH	TD1	85	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM XUAN TRUONG	TD1	84	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THANH CONG	TD1	82	1	11		54	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO KINH THAO	TD1	87-88	2	20		72	T-TIN	Vietnamese
10	VU ANH MINH	TD1	90-91	2	16		75	T-TIN	Vietnamese
11	PHAM VAN HUAN	TD1	81	1	3		69	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC SANG	RC3	26	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
13	LE CONG AN	RC3	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET HUNG	RC3	25	1	12		88	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HOANG	RC3	21-22	2	7		90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TAN HONG	RC3	20	1	5	40	64	KH-THAC	Vietnamese
17	DAU HUY HOANG	RC3	18	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG THE DUNG	RC3	23-24	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN VIET A	RC3	17	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
20	VU MANH THANG	RC3	16	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
21	PHAM QUANG HUY	TD5	14	1	3		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG MINH	TD5	13	1	9		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

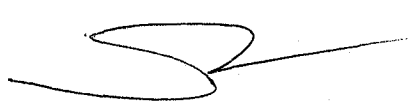
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	12	99	811	45	9		
2	RC3	9	11	62	659	40	9		
3	TD5	2	2	12	145	0	4		
TOTAL		22	25	173	1.615	85	22		
WEIGHT KG				173	1.615	85			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2019	TO: RP2 - RC4	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN BAN	RP2	09	1	5	17	57	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN LY	RP2	05	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUỐC VINH	RP2	04	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐÌNH YẾN	RP2	03	1	3	65	60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẠO VĂN TUÂN	RP2	01	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM MINH TOÀN	RP2	17-18	2	10		55	YTE	Vietnamese
7	GARIBEKOV M. K	RP2	08	1	4		98	KH-THAC	Russian
8	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	RP2	13	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VŨ QUYÊN	RP2	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN QUÂN	RP2	06-07	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH DUY	RP2	15	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ ĐỨC LONG	RP2	02	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN THANH	RP2	16	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN LONG	RP2	12	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO ĐÌNH HUY	RP2	14	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRỌNG MINH	RC4	61	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGỌC TÂN	RC4	62	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÌNH VĂN CÔNG	RC4	60	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU TIẾN BÌNH	RC4	66,59	2	6	60	69	KH-THAC	Vietnamese
21	MERZLIKIN	RC4	63	1	5		82	NIPI	Russian
22	MAI VĂN TƯỜNG	RC4	68	1	2		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	17	94	1.099	82	16		
2	RC4	6	7	31	429	60	6		
TOTAL		22	24	125	1.528	142	22		
WEIGHT KG				125	1.528	142			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2019	TO: CLO - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - MQUÂN	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THÊ TÂM	CLO	86-87	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	CLO	81	1	10		60	DMC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LỘP	CLO	78-79	2	12		70	DMC	Vietnamese
4	NG NGỌC BAO TÚ	CLO	80	1	10	40	55	DMC	Vietnamese
5	EAKSAK UDOMPOL	CLO	83-84	2	17		85	DMC	Thailand
6	NGUYỄN THƯA THAI	CLO	88	1	8		63	CODIEN	Vietnamese
7	VÕ NGỌC THAI SƠN	CLO	89	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ HUY BẠC	CLO	77	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
9	PHẠM TIỀN CƯỜNG	CLO	82	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ HỒNG ĐỨC	CLO	85	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
11	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	94	1	5		60	DVL	Vietnamese
12	ĐỖ TRỌNG HIẾN	CLO	90	1	15		63	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RP1	19	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH BA	RP1	22	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HÙNG CƯỜNG	RP1	24	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	26	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG THÊ ANH	RP1	25	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	28	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TUÂN	RP1	27	1	12	15	63	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	21	1	10	10	72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN THUY	RP1	20	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	12	15	122	815	40	1		
2	RP1	10	10	63	690	25	21		
TOTAL		22	25	185	1.505	65	22		
WEIGHT KG				185	1.505	65			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

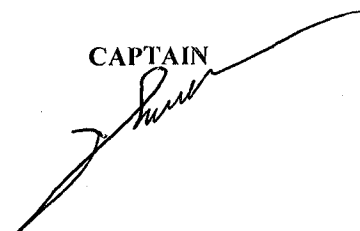
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2019	TO: TTC2 - P4 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - Trường	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUKHIMCHUCK	TTC2	93	1	8		81	KH-THAC	Russian
2	LAI ANH TUAN	TTC2	89-90	2	12		99	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG VU	TTC2	92	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO VĂN HIẾU	TTC2	91	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	VU HUU CHINH	P4	97	1	8	18	60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN LE HUY HOANG	P4	96	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI XUAN TUONG	P4	98	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
8	TRAN DINH DIEP	P4	99	1	5	95	72	CODIEN	Vietnamese
9	NINH QUOC HOI	P1				30	80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG VAN LOI	P1	78	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VIET LOC	P1	76-77	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC HUNG	P1	79	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC CONG	P1	74-75	2	8		80	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC LUU	P1	80	1	7		68	PSV	Vietnamese
15	PHAN TRONG MINH	P1	81	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN THONG	P1	82	1	4		60	PSV	Vietnamese
17	PHAN VAN AN	P1	83	1	4		62	PSV	Vietnamese
18	BUI TRUNG UYEN	P1	84	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	5	39	331	0	0		
2	P4	4	4	28	258	113	4		
3	P1	10	11	71	678	30	18		
TOTAL		18	20	138	1.267	143	22		
WEIGHT KG				138	1.267	143			

GRAND TOAL: 1.548 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2019	TO: P4 - P7 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - NNam	ETA: 13:20
HONG 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY HOANG	P4	06	1	8	77	77	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN THE HUY	P4	02	1	12		78	CODIEN	Vietnamese
3	LE MINH ĐỨC	P4	01	1	8	15	70	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN DANH LUAT	P4	05	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐANG VĂN NAM	P4	22-23	2	16		78	XAYLAP	Vietnamese
6	LE HUY DUAN	P4	18-19	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG CHUNG	P4	03-04	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VAN NAM	P4	17	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
9	LE HUY CHUONG	P4	15	1	6		68	XAYLAP	Vietnamese
10	LE NHAT TAM	P4	21	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN ĐANG NGUYEN	P4	09	1	7		80	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGHI	P4	13	1	3		69	PSV	Vietnamese
13	TRAN THANH LIEM	P4	20	1	9		68	PSV	Vietnamese
14	ĐO KHẮC ĐA	P4	08	1	4		62	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG THANG	P4	10	1	5		85	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN AI	P4	11	1	7		60	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC TRỌNG	P4	07	1	7		62	PSV	Vietnamese
18	PHAM VAN TUAN	P4	12	1	5		80	PSV	Vietnamese
19	HỒ ĐÌNH LỘC	P4	14	1	10		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	22	182	1.329	92	14		
2	P7	0	0	0	0	0	3		
3	P1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		19	22	182	1.329	92	22		
WEIGHT KG				182	1.329	92			

GRAND TOAL: 1.603 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2019	TO: RP2 - BK16	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀNG VĂN ĐỨC	RP2	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN THANH TUÂN	RP2	30	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM QUANG LỢI	RP2	38	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	23	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ DUY QUYÊN	RP2	39	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CHÍ CUÔNG	RP2	26	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM BA HOANG	RP2	46	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN DAT	RP2	27	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN QUỐC KHÁNH	RP2	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGUYỄN PHONG	RP2	43	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOA LẠC	RP2	45	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THẾ HẢI	RP2	32	1	11		87	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG YẾN	RP2	31	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÙNG	RP2	44	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN QUANG SANG	RP2	28	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC MINH	RP2	25	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	RP2	40-41	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN HUNG	RP2	36-37	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG QUYÊN	RP2	33-35	3	20		60	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ THỊ ĐOÀN TRANG	RP2	47,49	2	10	3	50	NIPI	Vietnamese
22	ĐOÀN TIẾN LŨ	RP2	48	1	5		67	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	27	191	1.476	3	16		
2	BK16	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	27	191	1.476	3	22		
WEIGHT KG				191	1.476	3			

GRAND TOAL: 1.670 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2019	TO: RCDM - RC6 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 13:30
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - MQUÂN	ETA: 15:30
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	RCDM	10	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO ĐẠC TOAN	RCDM	07	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUỐC VIỆT	RCDM	09	1	6	35	71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG MINH DŨNG	RCDM	13	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MINH	RCDM	08	1	14		80	T-TIN	Vietnamese
6	TRẦN BAO CHUÔNG	RCDM	11-12	2	14		71	T-TIN	Vietnamese
7	HỒ TRỌNG BANG	RCDM	06	1	6		75	PSV	Vietnamese
8	TRẦN MINH THI	RC6	67	1	5		114	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN TUNG	RC6	65	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THE VŨ	RC6	66	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VĂN TRƯỜNG	RC6	68	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG KHANG	RC6	63	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG QUAN	RC6	61-62	2	18	35	70	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH HÙNG	RC6	60	1	18		80	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC QUAN	RC6	69-70	2	18		80	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ VĂN DŨNG	RC6	71	1	7		66	CODIEN	Vietnamese
17	KIEU MINH QUYẾT	RC6	64	1	7		64	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN TÀI	RP2	80	1	7		80	GETRACO	Vietnamese
19	VÔ THANH NHẬT	RP2	79	1	5		78	GETRACO	Vietnamese
20	PHẠM HỮU MINH	RP2	78	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
21	VUÔNG KHA KIỆU	RP2	81	1	2		68	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VĂN QUAN	RP2	77	1	2		67	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

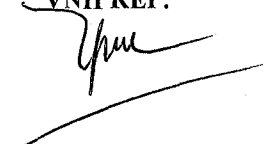
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	8	59	497	35	5		
2	RC6	10	12	104	737	35	7		
3	RP2	5	5	21	350	0	9		
TOTAL		22	25	184	1.584	70	21		
WEIGHT KG				184	1.584	70			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

